

NHỮNG ĐỒNG MINH ANH HÙNG – HEROIC ALLIES

by Harry F. Noyes III “Vietnam” – August 1993



Họ - những người lính Việt Nam - dáng thì nhỏ thó, nói chuyện bằng những âm ngữ líu lo, luôn chan nước mắt vào thức ăn và hay cầm lấy tay nhau.

Chẳng ai ngạc nhiên lắm khi thấy những quân nhân Mỹ gửi qua Đông Nam Á – phần lớn còn rất trẻ, có nền giáo dục hời hợt, được đào tạo trong một xã hội vị kỷ và hiểu rất ít về những nền văn hóa khác – họ không cảm thông được tâm trạng của các binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).

Thật đau lòng khi có nhiều cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam lại đi cấu kết với cái đám phản chiến cấp tiến, những tên trốn quân dịch và bọn chính khách hoạt đầu xúm nhau bôi nhọ danh dự của một Quân Lực đã chẳng còn có cơ hội để được tự bào chữa. Nhục mạ một quân đội đã sa cơ trên chiến trường vì bị Hoa Kỳ phản bội là một hành động đê tiện và bất xứng của những người Hoa Kỳ.

Có thể một số quý vị sẽ ngạc nhiên về lý luận của tôi. Làm sao tôi có thể biện hộ cho quân lực VNCH được? Phải chăng tất cả binh sĩ VNCH đều thuộc loại bất tài, xảo trá và hèn nhát?

Không, không phải vậy. Trong bài này tôi sẽ vạch ra một số bằng chứng xác đáng để phân bác lại cái luận điệu đê hèn đó và phân tích lý do tại sao cái luận điệu đó phát sinh.

Dĩ nhiên, quân đội VNCH không toàn hảo. Họ cũng có một số lãnh đạo tồi tệ, một số lính tráng hèn nhát, vài ba lần hoảng hốt bỏ chạy, xằng bậy và hung bạo. Tuy nhiên, các điều này cũng đã từng xảy ra đối với quân đội Hoa Kỳ tham chiến tại Đông Nam Á.



Trong một số lãnh vực như: tổ chức, tiếp vận, tham mưu và chỉ huy, quân đội VNCH thua kém quân đội Hoa Kỳ thật. Nhưng họ làm gì khác hơn được khi đất nước họ là đất nước đang phát triển, họ mới giành độc lập từ tay chế độ thuộc địa và bất ngờ lao vào một trận chiến khốc liệt, đối đầu với kẻ thù hung hăng được vũ trang hùng hậu từ cả khối cộng sản?

Thật ra, các khuyết điểm của quân đội VNCH có cũng giống như các khuyết điểm mà quân đội Hoa Kỳ mắc phải trong Trận Chiến Giành Độc Lập, dù rằng Hoa Kỳ vào thời cuối thế kỷ 18 đó có nhiều lợi điểm hơn, như:

- Tâm vóc của Cuộc Cách Mạng Giành Độc Lập hạn hẹp hơn và dễ điều khiển hơn.
- Khác với sự bị trị của Việt Nam, Hoa Kỳ qua kinh nghiệm bị trị đã nuôi dưỡng tinh thần tự trị địa phương và tạo thuận lợi cho quốc gia đào tạo nên những nhà lãnh đạo ưu tú.
- Quân đội Hoàng Gia Anh không bền bỉ như quân đội Bắc Việt.
- Và đồng minh Pháp đã không bỏ rơi Hoa Kỳ như Hoa Kỳ đã bỏ rơi Nam VN.

Dù thế nào đi nữa, sự tổ chức, tiếp vận, tham mưu và chỉ huy quân đội không phải là những nguyên tố hay vấn đề trong sự bôn bấn mạt ly quân lực VNCH.

Có hai câu hỏi chính đáng cần được nêu ra:

1/ Có phải là những người lính VNCH đã không đủ tư cách, lòng quả cảm, anh hùng và lòng

yêu nước nên người Mỹ có quyền nguyên rửa và đổ hết lỗi khi thua trận chiến giành tự do cho khối Đông Nam Á hay không? Và

2/ Có phải các binh sĩ Hoa Kỳ giỏi giang hơn các chiến hữu đồng minh của họ đến độ người Mỹ tự cho họ cái quyền đối xử miền Nam Việt Nam với một thái độ khinh rẻ như vậy hay không?

Tôi xin khẳng định, trả lời cho cả hai câu hỏi trên là: “Không!”

Bằng chứng cho câu trả lời đó thật rõ ràng. Ý đồ Tổng Công Kích Tết Mậu Thân của Cộng quân là bẻ gãy ý chí phòng thủ của miền Nam Việt Nam. Nhưng ngược lại, VNCH đã chống trả một cách quyết liệt và hữu hiệu: không một đơn vị nào bị tan rã hay tháo chạy. Thậm chí cảnh sát cũng đã chiến đấu, họ dùng cả súng lục để bắn lại bộ đội chính quy của Bắc Việt trong khi những người bộ đội CS này thì lại được vũ trang với vũ khí hạng nặng. Theo báo cáo cho thấy là vào thời điểm đó, số người tình nguyện nhập ngũ lên quá cao, đến nỗi chính phủ phải ngưng tuyển mộ lính trong một thời gian.

Trong trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, các binh sĩ VNCH bị vây hãm tại An Lộc đã anh dũng tử thủ chống trả lại lực lượng hùng hậu của địch, cùng với những trận mưa pháo bất tận, và cuối cùng họ đã đè bẹp được những trận tấn công liên tục của các chiến xa địch quân.

Sau đó, tôi được một cố vấn Mỹ kể lại chuyện một tiểu đội bộ binh VNCH được lệnh phải phá hủy 3 chiếc xe tăng của địch. Ông kể:

– Các binh sĩ của tiểu đội này phá hủy được một chiếc xe tăng, rồi sau đó họ lại tự quyết định bắt sống hai chiếc xe tăng kia. Họ rượt bộ và bắt được thêm một chiếc nữa, còn chiếc kia thì chạy thoát. Khi trở về phòng tuyến, họ bị khiển trách nặng nề vì đã để chiếc xe tăng kia tẩu thoát.

Tuy hành động của tiểu đội lính này không đúng với quân kỷ lắm, nhưng cái hành động đó đã nói lên tinh thần chiến đấu cao độ và sáng kiến tác chiến của rất nhiều binh sĩ VNCH. Chắc hẳn sự kiện trên không thể hỗ trợ luận điệu cáo buộc họ hèn nhát được.

Một chứng cứ điển hình hơn, trong những giờ phút cuối cùng của miền Nam Việt Nam năm 1975, khi mà nỗi tuyệt vọng bao trùm lên cả đất nước họ, khi mà biết rõ rằng Hoa Kỳ sẽ không yểm trợ gì nữa (ngay cả nhiên liệu và đạn dược); ấy thế mà một sư đoàn VNCH đã anh dũng cầm cự chiến đấu với bốn sư đoàn quân Bắc Việt trong suốt hai tuần lễ tại Xuân Lộc. Trên mọi bình diện, trận chiến Xuân Lộc đó cũng hào hùng như bất cứ trận chiến nào trong quân sử Hoa Kỳ. Các binh sĩ VNCH cuối cùng đã phải rút lui vì không lực của họ không còn bom cluster để yểm trợ cho lực lượng bộ binh đưng trận dưới đất.

Có lần tôi được coi một phim tài liệu truyền hình nói về một người phóng viên Úc đặc trách quay phim chiến trường. Khác với các phóng viên Mỹ, ông ta dành nhiều thì giờ theo sát binh sĩ VNCH. Ông ta công nhận tinh thần chiến đấu anh dũng của họ, và để minh chứng điều đó,

ông đã cho trình chiếu cả cuốn phim. Ông ta nhớ lại rằng, trong chuyến thăm viếng một khu làng do địch quân kiểm soát, ông được nghe kể rằng Cộng sản sợ binh sĩ VNCH hơn là sợ binh sĩ Mỹ. Cái lý do chính là binh sĩ Mỹ quá ồn ào, do đó địch quân luôn nghe trước được đường tiến quân của họ. Làm sao có được điều so sánh này nếu trên thực tế các binh sĩ VNCH không thuộc loại lính thiện chiến.



Tuy nhiên, cái chứng cứ quan trọng nhất để chứng minh tinh thần chiến đấu cao độ của binh sĩ VNCH nằm trong hai sự kiện thật đơn giản và rõ ràng sau đây, dù rằng các sự kiện này thường bị làm ngơ hoặc giả vờ không biết nhằm che đậy sự thất bại của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Sự kiện thứ nhất: Chiến tranh đã bắt đầu từ 7 năm trước khi quân đội tác chiến Hoa Kỳ bước chân vào Việt Nam, và trận chiến đó vẫn tiếp tục kéo dài suốt 5 năm sau khi Hoa Kỳ rút quân. Phải có những người đứng ra chiến đấu trong thời gian đó, và không ai khác hơn là các binh sĩ VNCH.

Sự kiện thứ hai: Có độ 1/4 triệu binh sĩ VNCH hy sinh trong cuộc chiến. Nếu đem so sánh tỷ lệ dân số hai nước, thì con số này phải tương đương với khoảng hai triệu người Mỹ chết (gấp đôi tổng số thương vong của tất cả cuộc chiến Hoa Kỳ cộng lại). Bạn không thể tổn thất lớn lao như vậy nếu bạn không thực sự chiến đấu.



Thế thì tại sao thanh danh quân đội VNCH lại bị xúc phạm nặng nề như vậy?

Dĩ nhiên quân đội VNCH cũng có một số lần chiến đấu kém hiệu năng hoặc bị khủng hoảng, nhưng các trường hợp này cũng từng xảy ra trong quân đội Hoa Kỳ. Tôi biết một vị chỉ huy đơn vị pháo binh Hoa Kỳ đã có lần ra lệnh trực xạ vào địch quân vì lực lượng bộ binh Mỹ “bảo vệ” cho căn cứ pháo binh đã hốt hoảng tháo chạy trước hỏa lực hùng hậu của địch.

Sự kiện trên không có nghĩa là toàn thể quân đội Hoa Kỳ hèn nhát, và đôi lần thất bại của binh sĩ VNCH cũng không có nghĩa là toàn thể quân đội VNCH hèn nhát. Dù vậy, người ta lại rất dễ tin như thế khi được nghe kể lại từ chính miệng các cựu chiến binh Hoa Kỳ hoặc từ các chính trị gia nhằm chạy tội cho chính phủ Hoa Kỳ về việc bỏ rơi miền Nam Việt Nam trong cơn hấp hối.

Sự thật của vấn đề được diễn tả khéo nhất qua mẫu đối thoại cách đây gần hai thế kỷ khi một mệnh phụ Anh hỏi Quận Công Wellington rằng: “Có bao giờ quân Anh tháo chạy trên chiến trường không?” Vị Thiết Quận Công này trả lời: “Thưa bà, tất cả binh sĩ đều bỏ chạy trên chiến trường.”

Chỉ cần lướt qua quân sử cũng đủ để xác nhận điều này. Trong suốt cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ, chúng ta đã thấy rất nhiều tấm gương can đảm nhưng cũng không thiếu gì các hành động khiếm nhược. Trên mặt trận, lúc đầu binh sĩ của hai phe Nam-Bắc đều chiến đấu rất dũng cảm, rồi phòng tuyến vỡ, rồi bỏ chạy, rồi tái phối trí và chiến đấu trở lại. Không có quân đội nào được xem là có lòng hy sinh anh hùng hơn họ, nhưng những binh sĩ tham dự trận nội chiến này cũng không tránh khỏi những lúc thất điên bát đảo, và đó cũng là chuyện thường tình trên chiến trường.



Tác giả S.L.A Marshall đã tường thuật chuyện một đại đội lính Mỹ trong Đệ Nhị Thế Chiến đã tháo chạy tán loạn trước tiếng la ré xung phong của một toán lính Nhật. Nhưng đại đội lính Mỹ khác thì lại tiếp tục chiến đấu, giết sạch hết toán lính Nhật (độ 10 người), và khám phá ra rằng hầu hết những tên lính Nhật này không vũ trang gì cả. Nếu chuyện trên xảy ra cho một đơn vị quân đội VNCH, thì chắc chắn những kẻ muốn bôi nhọ quân đội này sẽ lợi dụng đó như là một “cơ hội bằng vàng” để mạ lị rằng toàn thể quân lực VNCH là hèn nhát.

Tại sao vậy? Tôi đã gợi ý ra câu trả lời rồi. Tất cả tùy thuộc vào màu da và ngôn ngữ của các binh sĩ liên hệ. Sự thật bỉ ổi là việc mạ lị quân đội VNCH lại xuất phát từ tinh thần kỳ thị chủng tộc và sự cao ngạo, kiêu căng của nền văn hóa Hoa Kỳ.

Tôi có thể làm chứng cho việc xuyên tạc đầy ác ý và phổ quát này. Khi vừa đến Việt Nam vào tháng 6 năm 1969, tôi đã chứng kiến ngay sự dốt nát, thiếu thông tin và thái độ khinh bỉ của một số người Mỹ đối với nhân dân và quân đội VNCH.

Cái thái độ đó nằm trong mọi tập thể quân nhân da trắng lẫn da đen, trong các giới dân sự cũng như ký giả Hoa Kỳ. Sự thù hằn sâu đậm đối với đất nước và nhân dân Việt Nam có cái sức lan tràn kinh khủng như một thứ bệnh dịch truyền nhiễm.

Tôi quen một viên đại úy Hoa Kỳ tốt nghiệp về môn điện ảnh từ một viện đại học danh tiếng (một ngành chuyên môn được dùng để giúp nâng cao trình độ nhận thức quan sát). Khi viên đại úy này trở lại đơn vị sau một chuyến công tác ngắn tại Thái Lan, anh ta không tiếc lời ca ngợi dân tộc Thái Lan.

Anh ta nói rằng: “Dân Thái Lan cho con cái đi học” không như dân miền Nam VN. Anh ta ra vẻ ngạc nhiên nhưng lại không tỏ sự hối hận khi tôi chỉ cho anh thấy một ngôi trường Việt Nam sát vách doanh trại chúng tôi. Bất cứ ai có mắt cũng đều thấy hàng trăm em học sinh mặc đồng phục quần xanh áo trắng qua lại mỗi ngày, chỉ trừ anh chàng làm phim ảnh này là không nhìn thấy các em mà thôi.



Thật là mỉa mai khi người Việt Nam có tiếng hiếu học hơn người Mỹ, và miền Nam Việt Nam đã nâng cao được mức biết đọc biết viết từ 20% lên 80% trong khi đất nước chiến tranh triền miên (và mặc dù cộng sản chủ trương giết hại các giáo chức), thế mà lại bị anh chàng làm phim ảnh này cho rằng Việt Nam không có trường học.

Vi bị gởi đi chinh chiến xa xôi và bị cách biệt gia đình, nên anh Mỹ này nảy sinh lòng oán ghét Việt Nam, và tạo nên thành kiến rằng mọi người Việt Nam đều đáng khinh. Anh ta cần phải nghĩ rằng là Việt Nam không có trường học, dần rồi cái tâm lý bệnh hoạn đó đã làm hư đi cái khả năng nhận thức và đánh lừa cả thị giác của anh.

Hãy tưởng tượng cái tâm trạng của một tập thể lính Mỹ ít học, sống giữa một nền văn hóa xa lạ và thần kinh lúc nào cũng bị căng thẳng ra sao? Có lẽ chúng ta không nên trách cứ những người lính thiếu học này. Chỉ có trời mới biết là các cấp chỉ huy Hoa Kỳ chỉ huấn luyện cho họ sơ sài, quấy quá về đất nước Việt Nam cũng như về thực chất của cuộc chiến.

Tuy nhiên, đó không phải là cái cớ để các cựu chiến binh Mỹ huênh hoang rằng họ hiểu những cái mà họ đã thấy tại Việt Nam. Các cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến tại Việt Nam cần được vinh danh về các đức tính can đảm, hy sinh, ái quốc của họ. Nhưng can đảm và hy sinh không đồng nghĩa với kiến thức. Đánh giặc tại Việt Nam không làm cho những người lính này

trở thành những chuyên viên thông thạo về đất nước hoặc cuộc chiến Việt Nam, cũng như việc mang nặng đẽ đàu không thể biến người đàn bà trở thành một chuyên gia về thai nhi học được.

Những gì người lính Mỹ đã thấy bên VN đã dạy cho họ rất ít -hoặc chẳng có chu cấp một kiến thức gì hết- về văn hóa của miền Nam Việt Nam, xã hội, chính trị, v.v. Rất ít người Mỹ có thể nói được hơn 6 chữ tiếng Việt; số người Mỹ có thể đọc sách báo tiếng Việt lại còn ít hơn; và số người đọc sách về Việt Nam bằng tiếng Anh cũng chẳng hơn bao nhiêu.

Trừ những người làm cố vấn, rất ít người Mỹ đã làm việc trực tiếp với những người Việt khác ngoài (có lẽ) những người làm giấy tờ hành chính, các nhân viên giặt giũ, và các nữ tiếp viên làm việc cho quân đội Mỹ.

Quan trọng nhất cho đầu đề này là: rất ít quân nhân Mỹ thực sự quan sát và trực tiếp chiến đấu với quân đội Nam Việt. Ngay cả những người lính Mỹ bỏ thì giờ quan sát thì cũng rất hiếm hoi họ thấy được sự khác biệt giữa lính Mỹ và lính Nam VN: người lính Mỹ chỉ phải thi hành nhiệm vụ cho xong một năm thôi, rồi cũng được về lại Mỹ và họ cũng biết rằng gia đình của họ đang được an toàn, trong khi người lính miền Nam Việt Nam, những người đã phải lo lắng về sự an nguy của gia đình họ từng ngày, cùng lúc họ biết rằng chỉ có cái chết hay bị trọng thương, trở thành phế nhân, họ mới được ra khỏi quân đội. Người lính Việt Nam đương nhiên đã phải dùng một thước đo khác để xác định điều gì là quan trọng trong cuộc chiến.

Giới truyền thông Mỹ cũng chẳng khá gì hơn. Trong một phóng sự trên đài truyền hình đầy thành kiến, một phóng viên lên án Không Lực VNCH – dù đã được tân trang qua chương trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh – thế mà lại “đẩy cho Không Quân Hoa Kỳ” thực hiện những phi vụ nguy hiểm ngoài Bắc Việt.

Trên thực tế Hoa Kỳ không muốn Không Quân VNCH bay ra Bắc (chỉ trừ vài phi vụ oanh tạc ban đầu). Các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ muốn kiểm soát kế hoạch oanh tạc để dùng nó như một lá bài thương thuyết.

Vì không muốn miền Nam Việt Nam có bất cứ quyền kiểm soát nào trong chính sách oanh tạc, Hoa Kỳ đã trang bị cho Không Quân VNCH những vật dụng không thích hợp cho các phi vụ ra Bắc. Miền Nam Việt Nam không được cung cấp oanh tạc chiến đấu cơ, phi cơ tiếp liệu trên không, vũ khí hay các dụng cụ điện tử cần thiết cho các phi vụ này. Đó là quyết định của người Mỹ.

Câu hỏi đặt ra là có phải người phóng viên truyền hình nêu trên dốt đặc về sự kiện đó hay giả vờ không biết nhằm đi hạ nhục những đồng minh của Hoa Kỳ. Dựa vào các lời lẽ lố bịch, đầy thành kiến, qua giọng điệu của anh ta, tôi kết luận rằng anh ta cố tình làm như vậy.

Một thí dụ khác nói lên cái thành kiến của giới truyền thông, đó là trận chiến vây hãm Khe Sanh. Nếu bạn đi hỏi một ngàn người Mỹ từng nghe biết về trận đánh này rằng đơn vị nào chiến đấu tại Khe Sanh, thì có lẽ hầu hết đều trả lời là Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Nhưng

chắc họ sẽ ngạc nhiên lắm nếu có một người trong số ngàn người đó nói rằng có một tiểu đoàn Biệt Động Quân VNCH đã cùng chia sẻ nỗi gian lao với các đồng minh Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ trong trận chiến ngặt nghèo đó. Nhiều đơn vị VNCH khác cũng đã hỗ trợ chiến đấu bên ngoài vòng đai căn cứ Khe Sanh. Giới truyền thông Mỹ không xem sự chiến đấu của những đồng minh của Hoa Kỳ đáng để họ quan tâm, trình báo, trừ khi lính VNCH làm điều bê bối, bởi vậy những binh sĩ VNCH chiến đấu cam khổ này đã bị trở thành những chiến sĩ “vô hình” của Khe Sanh.

Tất cả thành kiến – trong quân đội cũng như trong truyền thông – được thể hiện rõ ràng qua các bản tin chiến sự về cuộc hành quân Hạ Lào năm 1972.

Trong cuốn phim tài liệu truyền hình mười năm trước đây, có một đoạn phỏng vấn lính Mỹ trong lúc chiến trường Hạ Lào đang tiếp diễn. Các lính Mỹ được phỏng vấn này đang sống an toàn tại hậu cứ Nam Việt Nam. Họ “giải thích” về sự chiến đấu của quân đội VNCH với những lời lẽ khinh bỉ và kỳ thị. Thế mà sau đó người phóng viên này đã ca ngợi khen mấy người lính G.I Mỹ đó am tường về tình hình chiến sự hơn là các nhà tướng lĩnh Hoa Kỳ.

Trận Hạ Lào đã trở thành đề tài vì nó có liên quan đến một tấm hình có cảnh người lính VNCH bám vào cái càng máy bay trực thăng để trốn chạy khỏi chiến trường. Tấm hình này bị bêu riếu khắp nước Mỹ ngày này qua tháng nọ như là một “bằng chứng” về sự khiếp nhược của quân lực VNCH.

Thực tế, đây là một trò cổ điển nói lên mãnh lực của sự xuyên tạc hình ảnh. Thật ra thì sự việc nó diễn tiến như sau: Binh sĩ VNCH bị tấn công bởi một lực lượng Cộng quân hùng hậu. Quân đội Hoa Kỳ đã thất bại trong việc yểm trợ như đã hứa vì hỏa lực phòng không của địch quá mạnh. Những báo cáo cho biết là lính trên trực thăng đã đập những thùng đạn đại bác từ cao độ 5,000 feet xuống với hy vọng chúng sẽ rơi vào vòng đai của quân đội VNCH. Các trực thăng đó đã không thể nào bay thấp hơn được.

Đại tá Robert Monelli, một sĩ quan Hoa Kỳ có mặt trong mặt trận đó đã kể lại trên báo *Armed Forces Journal* số 19 tháng 4 năm 1972 như sau: “Một tiểu đoàn VNCH với 420 binh sĩ bị bao vây liên tiếp trong ba ngày bởi một trung đoàn Cộng sản độ 2,500 đến 3,000 tên. Quân đội Hoa Kỳ không thể tiếp tế cho họ được. Họ phải chiến đấu cho tới khi gần hết đạn, rồi mở đường máu bằng khí giới tịch thu của địch. Họ đã mang theo tất cả binh sĩ bị thương và cả một số xác chết. Không ảnh thám sát chụp được rõ ràng có 637 xác địch rải rác chung quanh căn cứ.

Về phía quân đội VNCH, tiểu đoàn trên chỉ còn lại có 253 binh sĩ sau khi đến được vòng đai bện. Chừng 17 người trong số binh sĩ này bị khủng hoảng và đã bám vào càng trực thăng để chạy trốn, số binh sĩ còn lại thì không làm như vậy.”

Bây giờ, có thể một số người cho rằng hành động bám vào càng trực thăng đang bay và để làm mồi cho hỏa lực phòng không địch là một hành động gan dạ. Hãy xếp đề tài đó qua một

bên, tôi muốn đề cập đến việc là tại sao chỉ có một trường hợp riêng lẻ như vậy – xấp lá cà mở đường máu rút lui (được coi là một chiến thuật khó khăn nhất trong binh thư) lại bị thổi phồng để đi lên án cả một quân lực, cả một quốc gia, cả một dân tộc?

Câu trả lời là tại vì kỳ thị chủng tộc. Các người lính VNCH bám lũng lằng vào trục thẳng bị coi là những tên ngoại quốc trông buồn cười, ngớ ngẩn. Nhưng nếu là lính Mỹ, hay cả lính Anh, thì hành động này đã gây được lòng trắc ẩn vì được biện minh rằng họ vừa trải qua một cuộc thử thách đầy cam go.

Bằng cứ cho lập luận này có thể thấy được qua cái phản ứng của người Mỹ đối với cuộc rút lui của binh sĩ Hoàng Gia Anh trong những ngày đầu của trận Đệ Nhị Thế Chiến.

Quân đội Hoàng Gia Anh đã từng biểu lộ một số hành động đáng hổ thẹn tại Dunkirk và nhiều nơi khác. Tại Dunkirk, một trung sĩ trên một chiếc tàu cấp cứu đã chĩa súng tiểu liên vào các binh sĩ khủng hoảng để duy trì trật tự. Trên một con thuyền khác, binh sĩ phải dùng báng súng đánh vào đầu một viên sĩ quan để ông ta khỏi leo qua mép thuyền làm nước tràn vào. Tại Crete, một lữ đoàn Tân Tây Lan phải dùng lưới lê để ngăn chặn binh sĩ Hoàng Gia Anh tìm cách leo tràn ngập lên thuyền họ, khi lập vòng đai quân sự quanh biển.

Cái hình ảnh quân đội Hoàng Gia Anh đơn thân độc mã chống lại Hitler năm 1940 thì được ca ngợi là một biểu tượng đầy đủ dữ kiện, còn những trường hợp riêng lẻ như các trường hợp kể trên thì không được phép làm hoen ố cái bức tranh toàn cảnh dũng cảm và tận tụy của những người lính chiến.

Thành thật mà nói thì quân đội VNCH đã chiến đấu một cách tầm thường trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, ngoại trừ trận đánh hào hùng và tuyệt cú tại mặt trận Xuân Lộc.

Trận đánh hào hùng ở Xuân Lộc có những nguyên do của nó. Và có nhiều yếu tố để ta tin rằng nếu tiếp tục nhận được sự yểm trợ chân thành từ phía Hoa Kỳ, quân đội VNCH đã có thể tạo được những trận thư hùng như kiểu Xuân Lộc, và không chừng ngay cả việc cứu vãn được đất nước của họ.

Vấn đề đặt ra đây một lần nữa không phải đề bàn đến cách ứng xử của lính Nam Việt Nam, nhưng chính là đem so sánh cách ứng xử của họ, với quân đội Hoa Kỳ, để xem lính Hoa Kỳ sẽ ứng xử ra sao nếu lính Hoa Kỳ bị nằm trong một hoàn cảnh, tình huống tương tự.

Và thật sự – nếu binh sĩ Hoa Kỳ bị bỏ rơi giống như Hoa Kỳ đã cắt viện trợ Miền Nam Việt Nam, thì có lẽ họ cũng đã không làm chi khác hơn quân đội Nam VN.

Hãy nhớ rằng: Hoa Kỳ đã cắt viện trợ cho Nam VN một cách trầm trọng trong năm 1974, nhiều tháng trước khi địch quân mở những trận tổng công kích lần chót. Hậu quả là chỉ có rất ít nhiên liệu và đạn dược cung cấp cho miền Nam Việt Nam. Phi cơ và quân xa của VNCH bị nằm ụ vì thiếu phụ tùng. Binh sĩ phải ra trận với máy truyền tin mà không có bình batteries, và các toán cứu thương thiếu cả các loại thuốc thang căn bản. Pháo binh thì bị giới hạn bắn được

ba trái đạn mỗi ngày trong ngày cuối cùng của cuộc chiến.

Tình trạng bi đát đến nỗi tư lệnh quân đội Bắc Việt xâm lăng miền Nam Việt Nam, tướng Văn Tiến Dũng cũng thừa nhận rằng khả năng di động và hỏa lực của quân đội VNCH đã sút giảm phân nửa. Bên cạnh những ảnh hưởng trực tiếp về vật chất, chúng ta cũng phải để ý đến những tác hại tinh thần đối với các binh sĩ VNCH.

Lợi dụng tình thế bi thảm này, quân đội Bắc Việt đã ào ạt tấn công với đầy đủ vũ khí tối tân, chiến xa và đại bác di động.

Vâng, quân đội VNCH đã bại vong. Họ đã vất bỏ các chiến cụ (phần lớn đã không còn dùng được vì thiếu phụ tùng) và một số đạn dược (số đạn mà họ đã dành dụm tối đa cho đến khi nó trở thành quá muộn để bắn, bởi vì họ biết rằng sẽ không bao giờ nhận được tiếp tế nữa). Vậy thì lỗi của ai? Của họ... hay của Hoa Kỳ?

Vâng, miền Nam Việt Nam rút quân khỏi các tỉnh cao nguyên và có phần trễ và vụng về, đưa đến sự khủng hoảng và sụp đổ. Nhưng làm sao chính phủ miền Nam Việt Nam lại cam tâm bỏ rơi đồng bào họ sớm hơn trước được, khi mà địch quân chưa tung ra một áp lực nào?

Đã có lúc miền Nam Việt Nam hy vọng oanh tạc cơ B52 Hoa Kỳ sẽ trở lại giúp họ ngăn chặn làn sóng tiến quân của cộng sản. Nhưng khi rõ ràng là việc này sẽ không xảy ra, binh sĩ trở nên hoang mang là một điều dễ hiểu thôi.

Tinh thần chiến đấu suy sụp, nhiều binh sĩ bỏ ngũ – không phải họ hèn nhát hay không muốn chiến đấu bảo vệ tổ quốc, nhưng bởi vì họ không muốn chết một cách vô ích trong khi gia đình đang cần họ.

Liệu người Mỹ có thể làm gì khác hơn nếu ở trong tình trạng y kiệt miền Nam Việt Nam thời 1975? Liệu các đơn vị quân đội Hoa Kỳ có tiếp tục hăng say chiến đấu trong lúc quân xa và hệ thống truyền tin thì hư hỏng, y tế thì què quặt, nhiên liệu và đạn dược thì thiếu thốn, không được máy bay yểm trợ – lại phải đương đầu trước một địch quân hùng hậu hỏa lực, đầy đủ tiếp liệu và tinh thần phấn khởi? Tôi không tin như vậy.

Liệu miền Nam Việt Nam có thể chiến thắng vào năm 1975 nếu chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ cho họ một số lượng tương đương với số tiếp liệu mà khối cộng sản đổ vào Bắc Việt?

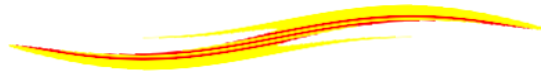
Không ai có thể biết được câu trả lời. Nhưng chắc chắn một điều là họ cũng đã có được cơ hội chiến đấu bình đẳng, điều mà Hoa Kỳ đã phản bội, tước đi cái cơ hội này của họ. Chắc chắn họ đã có thể chiến đấu một cách hiệu quả hơn. Rồi dù có thua, họ cũng thua một cách hào hùng trong một trận chiến để đời, trong lịch sử giữ gìn đất nước, và biết đâu đã chẳng tạo được một cuộc kháng chiến thần thánh như A Phú Hãn.

Và ví dù miền Nam Việt Nam có bị đại bại hoàn toàn, sự yểm trợ tận lực của Hoa Kỳ sẽ cho phép người Mỹ nhún vai và nói rằng họ đã cố gắng hết sức. Nhưng, Hoa Kỳ đã không tận lực,

và việc Hoa Kỳ cố gắng che đậy sự thật bằng cách bôi nhọ miền Nam Việt Nam và nhục mạ quân lực VNCH là điều sai quấy.

Bây giờ đã quá trễ để Hoa Kỳ chuộc lại tội ác tày trời khi bỏ rơi nhân dân miền Nam Việt Nam vào tay cộng sản. Nhưng nó chưa quá trễ để Hoa Kỳ thú nhận lỗi lầm trong việc nhục mạ họ. Và cũng chưa quá trễ để bắt đầu vinh danh các thành quả và lòng dũng cảm của những binh sĩ VNCH đã chiến đấu bảo vệ lý tưởng tự do của họ.

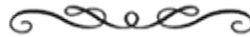
Minh Phượng chuyển



Bản Anh ngữ

HEROIC ALLIES

by Harry F. Noyes III "Vietnam" – August 1993



They were small, talked in sing-song squeaks, put a smelly fish sauce on their food, and often held hands with each other.

It is not surprising that American troops sent to Southeast Asia - mostly young, indifferently educated, and molded by a society with too much self-esteem and too little understanding of other cultures - found it hard to empathize with South Vietnam's soldiers.

Still, it is a pity that many veterans of the Vietnam War have joined radical agitators, draft dodgers and smoke-screen politicians to besmirch the honor of an army that can no longer defend itself. To slander an army that died in battle because America abandoned it is a contemptible deed, unworthy of American soldiers.

Perhaps some find my assertion incredible. How can I possibly defend the armed forces of South Vietnam? Everybody "knows" they were incompetent, treacherous and cowardly, isn't that so?

No, it is not. This article will outline some of the more compelling evidence against this scurrilous mythology and also examine why such a mythology arose to begin with.

Of course, the South Vietnamese forces were imperfect. They had their share of bad leaders, cowardly troops, and incidents of panic, blundering and brutality. So did the American forces in Southeast Asia.

In some respects - organization, logistics, staff work and leadership - South Vietnam's armed forces did lag behind U.S. forces. But how could one expect otherwise in a developing nation that had just emerged from colonialism and was suddenly plunged into a war to the death

against a powerful enemy supplied by the Communist bloc?

In fact, many of the weaknesses exhibited by the South Vietnamese forces were identical to the ones displayed by the U.S. armed forces during the American War of Independence, even though late 18th-century America had several advantages: the whole scale of the Revolutionary War was smaller and easier to manage; America's colonial experience, unlike Vietnam's, had fostered local self-government and permitted the country to develop some truly outstanding leaders; the British were less persistent than the North Vietnamese; and the French allies did not abandon young America the way the U.S. government abandoned South Vietnam.

But in any case, organization, logistics, staff work and even leadership are not the qualities at issue in the slandering of the South Vietnamese forces.

Two questions touch on the real issue. Were South Vietnamese fighting men so lacking in character, courage, toughness and patriotism that Americans are justified in slandering them and assigning them all blame for the defeat of freedom in Southeast Asia? Were U.S. soldiers so much better than their allies that Americans can afford to treat the South Vietnamese with contempt? The answer to both questions, I submit, is a resounding "No!"

The objective "big-picture" evidence is clear. The Tet Offensive of 1968 was supposed to crack South Vietnam's will to resist. Instead, South Vietnamese forces fought ferociously and effectively: no unit collapsed or ran. Even the police fought, turning their pistols against heavily armed enemy regulars. Afterward the number of South Vietnamese enlistments rose so high, according to reports at the time, that the country's government suspended the draft call for a while.

In the 1972 Easter tide Offensive, isolated South Vietnamese troops at An Loc held out against overwhelming enemy forces and artillery/rocket fire for days, defeating repeated tank assaults. I later met a U.S. adviser who described how a South Vietnamese infantry squad in his area was sent to destroy three enemy tanks. The members of the squad dutifully destroyed one tank, then decided to capture the other two. As I remember, they got one, but the other made its escape, with the South Vietnamese chasing it down a road on foot. The soldiers got chewed out upon returning...for letting one tank get away. The squad's performance may not be the best demonstration of military discipline, but the incident demonstrates the high morale and initiative that many South Vietnamese soldiers possessed. Certainly it does not support charges of cowardice.

As further evidence, consider South Vietnam's final moments as an independent nation in 1975, when justifiable despair gripped the country because it became clear that the United States would provide no help (not even fuel and ammunition). Yet one division-sized South Vietnamese unit held off four North Vietnamese divisions for some two weeks in fierce fighting at Xuan Loc. By all accounts, that battle was as heroic as anything in the annals of U.S. military

history. The South Vietnamese finally had to withdraw when their air force ran out of cluster bombs for supporting the ground troops.

Once I saw a television documentary about an Australian cameraman who had covered the war. Unlike U.S. reporters, he spent much of his time with the South Vietnamese forces. He attested to their fighting spirit and showed film footage to prove it. He also recalled visiting an enemy-controlled village and being told that the Communists feared South Vietnamese troops more than Americans. The principal reason was that Americans were noisy, so the enemy always heard them coming. But that would have been immaterial if the South Vietnamese had not also been dangerous fighters.

However, the most important evidence of South Vietnamese soldiers' willingness to fight comes from two simple, undeniable, "big-picture" facts — facts that are often ignored or disguised to cover up American failure in Vietnam.

Fact One: The war began some seven years before major American combat forces arrived and continued for some five years after the U.S. began withdrawing. Somebody was doing the fighting, and that somebody was the South Vietnamese.

Fact Two: The South Vietnamese armed forces lost about a quarter-million dead. In proportion to population, that was equivalent to some 2 million American dead (double the actual U.S. losses in all wars combined). You don't suffer that way if you're not fighting.

How, then, did the South Vietnamese get their bad reputation?

Certainly there were occasional displays of incompetence and panic by South Vietnamese forces. The same can be said of U.S. forces. I knew an American artillery commander whose gunners once had to defend their firebase by firing canister point-bank into enemy ranks because the U.S. infantry company "protecting" them had broken in the face of the enemy assault and was huddling, panic-stricken, in the midst of the guns.

That incident does not mean the whole U.S. Army was cowardly, and occasional breakdowns among America's allies did not mean all South Vietnamese soldiers were cowards. Yet one would think so, the way the story gets told by some veterans — and by the political apologists for a U.S. government that left South Vietnam in the lurch.

The truth of the matter was best stated nearly two centuries ago when a British woman asked the Duke of Wellington if British soldiers were ever known to run in battle. "Madam," replied the Iron Duke, "All soldiers run in battle."

Even a cursory study of military history confirms this. Civil War battles reveal a continuous ebb and flow of bravery and fear, as Confederate and Union units alike first attacked bravely, then crumbled and fled under horrendous fire, before regrouping and charging again. No armies ever laid more justified claim to sheer self-sacrificing heroism than those two, yet they were

subject to panic as a routine price for doing bloody business on the battlefield.

Author S.L.A. Marshall describes how one American rifle company in World War II fled in panic from a screaming Japanese banzai charge: a second unit fought on, quickly killing every Japanese soldier involved (about 10), and discovered that most of them were not even armed.

If the same thing had happened to a South Vietnamese unit, it undoubtedly would have been cited repeatedly by self-appointed pundits as incontrovertible proof of the cowardice of all South Vietnamese troops.

Why? We've already hinted at the answer. It all depends on the color and native tongue of the troops involved. The ugly truth is that the South Vietnamese forces' false reputation is rooted in American racism and cultural chauvinism.

I can personally attest to the pervading, massive and truth-distorting reality of the phenomenon. When I arrived in Vietnam in June 1969, I immediately began to witness continuous displays of ignorance and contempt by some Americans toward the Vietnamese people and their armed forces.

White troops, black troops, and civilian Americans such as journalists — all were equally afflicted. This passionate hatred of Vietnam and its people had an astonishing power to become contagious.

I knew an American captain with a graduate degree from a prestigious university in cinematography (presumably a specialty that improves visual perceptiveness). He once returned from temporary duty in Thailand singing the praises of the Thai.

"They send their kids to school," he said, contrasting them with the South Vietnamese. He was surprised, but not repentant, when I pointed out that there was a Vietnamese school right next door to our compound! Hundreds of little kids in bright blue-and-white school uniforms could be seen there daily — by anyone whose eyes were open. But this filmmaker apparently could not see them.

It is ironic that the Vietnamese — who by reputation honor learning more than Americans do and who raised South Vietnam's literacy rate from about 20 percent to 80 percent even as war raged around them (and despite the enemy's habit of murdering teachers) — were accused by the filmmaker of having no schools.

Because he was fighting in a foreign country and was separated from his family, this American had built up a hatred for Vietnam, and he wanted to believe the Vietnamese people were contemptible. Therefore, it was important to him to believe that they had no schools; and his emotions literally interdicted his optic nerves.

Imagine the feelings of the undereducated masses of American troops faced with a strange

culture in a high-stress environment! Perhaps one cannot blame the troops for their ignorance. Heaven knows the U.S. command made only the most perfunctory effort to educate them about Vietnam and the nature of the war.

However, that is no excuse for veterans to pretend that they understand what they saw in Vietnam. America's Vietnam veterans must be honored for their courage, sacrifice and loyalty to their country. But courage and sacrifice are not the same as knowledge. Fighting in Vietnam didn't make soldiers into experts on the country or the war, any more than having a baby makes a woman an expert on embryology.

What most U.S. soldiers did there taught them little or nothing about South Vietnam's culture, society, politics, etc. Few Americans spoke more than a half-dozen words of Vietnamese; even fewer read Vietnamese books and newspapers; and not many more read books about Vietnam in English.

Except for advisers, few Americans worked with any Vietnamese other than (perhaps) the clerks, laundresses and waitresses employed by U.S. forces.

Most important for our purpose, few U.S. troops ever observed South Vietnamese forces in combat. Even the ones who did rarely considered the attitude differences that must have existed between soldiers like the Americans, who only had to get through one year and knew their families were safe at home, and troops like the South Vietnamese, who had to worry about their families' safety every day and who knew that only death or grievous wounds would release them from the army. The Vietnamese naturally used a different measuring stick to determine what was important in fighting the war.

Journalists were no better. Consider a biased TV report I heard in which a reporter denounced South Vietnam's air force because - despite Vietnamization - it "let the Americans" fly the tough missions against North Vietnam.

In fact, it was the United States that would not let the South Vietnamese fly into North Vietnam (except for a few missions in the early days of the bombing). The American leaders wanted to control the bombing so that the United States could use it as a negotiating tool.

Not wanting the South Vietnamese to have any control over bombing policy, the U.S. forces deliberately gave them equipment unsuited for missions up North. South Vietnam did not get the fighter-bombers, weapons, refueling aircraft or electronic-warfare equipment necessary for such missions. It was an American decision.

The TV reporter in question either was ignorant of that fact or chose to ignore it in order to do a hatchet job on the American allies. Considering his blatantly biased words and tone of voice, I concluded that any ignorance he suffered from was deliberate.

Another example of media bias came during the Khe Sanh siege. If you asked a thousand

Americans which units fought at Khe Sanh, most of those who had heard of the battle would probably know that U.S. Marines did. But it would be surprising if more than one out of the thousand knew that a South Vietnamese Ranger battalion had shared the rigors of the siege with American Marines. Other South Vietnamese units took part in supporting operations outside the besieged area. The U.S. media just did not consider the American allies worthy of coverage unless they were doing something shameful, so these hard-fighting soldiers became quite literally the invisible heroes of Khe Sanh.

All this - soldier and media bias - came together clearly during news reports of the 1972 incursion into Laos.

Consider a TV documentary a decade ago. It included film of some American GIs being interviewed during the Laotian fighting. These guys, themselves safely inside South Vietnam, were “explaining” the South Vietnamese army’s struggle in contemptuous, racist remarks. The reporter then suggested that these American GIs understood the situation better than the American generals.

The incursion, of course, is the source of the infamous photo of a South Vietnamese soldier escaping from Laos by clinging to a helicopter skid. This image was and is held up to Americans again and again as “proof” of South Vietnamese unworthiness.

In fact, it is a classic example of photography’s power to lie. What happened was this: The South Vietnamese were struck by overwhelming Communist forces. The U.S. military failed to provide the support that had been promised because enemy anti-aircraft fire was too strong. There were reports of U.S. helicopter crews kicking boxes of howitzer ammunition out the doors from 5,000 feet up, hoping the stuff would land inside South Vietnamese perimeters. The helicopters simply couldn’t get any closer.

*Given that context, consider the way Colonel Robert Molinelli, an American officer who witnessed the action, described it in the *Armed Forces Journal* of April 19, 1971: “A South Vietnamese battalion of 420 men was surrounded by an enemy regiment of 2,500-3,300 men for three days. The U.S. could not get supplies to the unit. It fought till it ran low on ammunition, then battled its way out of the encirclement using captured enemy weapons and ammunition. It carried all of its wounded and some of its dead with it. Reconnaissance photos showed 637 visible enemy dead around its position.*

The unit was down to 253 effectives when it reached another South Vietnamese perimeter. Some 17 of those men did panic and rode helicopter skids to escape. The rest did not.

Now, some might consider dangling from a high-flying, fast-moving helicopter for many miles, subject to anti-aircraft fire, to be a pretty gutsy move. But, aside from that, how can such an isolated incident — during a hard-fought withdrawal-while-in-contact (universally

acknowledged to be just about the toughest maneuver in the military inventory) — be inflated into condemnation of an entire army, nation and population?

The answer is racism. The guys hanging from the helicopter skids were funny-looking foreigners. If they had been Americans, or even British, the reaction undoubtedly would have been one of compassion for the ordeal they had been through.

Evidence for this is found in how Americans responded to the British retreats early in World War II.

There were some disgraceful displays among British forces at Dunkirk and elsewhere. At Dunkirk a sergeant in one evacuation boat had to aim a submachine gun at his panicky charges to keep order on board. On another boat soldiers had to pummel an officer with their weapons to keep him from climbing over the gunwale and swamping the boat. In Crete, a New Zealand brigade had to ring its assigned embarkation beach with a cordon of bayonets to keep fear-stricken English troops from swarming over the boats.

Yet the image of Britain's lonely stand against Hitler in 1940 is one of heroism. That's perfectly justified by the facts, and isolated incidents like the ones described above should not detract from the overall picture of courage and devotion.

It is certainly true that South Vietnamese forces gave an undistinguished performance in the final days, with the exception of the incredibly heroic defense of Xuan Loc.

Yet there are reasons for that. And there are reasons to believe that, with more loyal support from the Americans, the South Vietnamese could have turned in more Xuan Loc-style performances and perhaps even have saved their country.

The real issue again is not just how the South Vietnamese performed, however; it is how their performance compared with the way Americans might have performed under similar circumstances.

And the truth is that American troops — if they were abandoned by the U.S. the way South Vietnamese were — probably would perform no better than the South Vietnamese did.

Remember: the United States had cut aid to South Vietnam drastically in 1974, months before the final enemy offensive. As a result, only a little fuel and ammunition were being sent to South Vietnam. South Vietnamese air and ground vehicles were immobilized by lack of spare parts. Troops went into battle without batteries for their radios, and their medics lacked basic supplies. South Vietnamese rifles and artillery pieces were rationed to three rounds of ammunition per day in the last months of the war.

The situation was so bad that even the North Vietnamese commander who conquered South Vietnam, General Van Tien Dung, admitted his enemy's mobility and firepower had been cut

in half. Aside from the direct physical effect, we must take into account the impact this impoverishment had on South Vietnamese soldiers' morale.

Into this miserable state of affairs the North Vietnamese slashed, with a well-equipped, well-supplied tank-and-motorized-infantry blitzkrieg.

Yes, the South Vietnamese folded. Yes, they abandoned some equipment (much of which would not work anyway for lack of spare parts) and some ammunition (which they had hoarded until it was too late to shoot it or move it, because they knew they would never get any more). So whose fault was that? Theirs... or America's?

Yes, South Vietnam's withdrawal from the vulnerable northern provinces was belated and clumsy, leading to panic and collapse. But how could the South Vietnamese government have abandoned its people any earlier, before the enemy literally forced it to?

For a while the South Vietnamese hoped the American B-52s would return and help stem the Communist tide. When it became clear they would not, understandable demoralization set in.

The fighting spirit of the forces was sapped, and many South Vietnamese soldiers deserted — not because they were cowards or were not willing to fight for their country, but because they were unwilling to die for a lost cause when their families desperately needed them. Would Americans do any better under the conditions that faced the South Vietnamese in 1975? Would U.S. units fight well with broken vehicles and communications, a crippled medical system, inadequate fuel and ammunition, and little or no air support — against a powerful, well-supplied and confident foe? I doubt it.

Would the South Vietnamese have won in 1975 if the U.S. government had kept up its side of the bargain and continued matching the aid poured into North Vietnamese by the Communists?

The answer is unknowable. Certainly they would have had a fighting chance, something the U.S. betrayal denied them. Certainly they could have fought more effectively. Even if defeated, they might have gone down heroically in a fight that could have formed the basis for a nation-building legend and for continued resistance against Communism on the Afghan model.

Even if the South Vietnamese had been totally defeated, wholehearted U.S. support would have enabled Americans to shrug and say they had done their best. However, the U.S. did not do its best, and for Americans to try to disguise that fact by slandering the memory of South Vietnam and its army is wrong.

It is too late now for Americans to make good the terrible crime committed in abandoning the South Vietnamese people to Communism. But it is not too late to acknowledge the error of American insults to their memory. It is not too late to begin paying proper honor to their achievements and their heroic attempt to defend their liberty.

Harry F. Noyes III (BA, University of the South; MA, University of Hawaii) served four years of active duty in the Air Force after his ROTC commissioning in 1967. He was an information officer at Norton AFB, California, and Yokota AB, Japan, and a film researcher/scenarist at Tan Son Nhut AB, South Vietnam. Presently a civilian public affairs specialist at Headquarters US Army Health Services Command, Fort Sam Houston, Texas, he has been editor of the joint Army-Air Force Wiesbaden Post, Wiesbaden Military Community, West Germany, and a reporter covering military affairs at Fort Head, Texas, for the Killeen Daily Herald. He has written articles for a variety of publications ./.

